

Tên:

Lớp: S3...

Ngày giao bài: Thứ, ngày...../.....

Ngày nộp bài: Thứ, ngày...../.....

Từ vựng & Ngữ pháp:

Nghe:

Mini test:



GLOBAL ENGLISH 3

Unit 2: Families - Vocabulary 2 & Flyers Speaking

A. VOCABULARY

❖ Months of the year

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	January (n)	tháng Một	7	July (n)	tháng Bảy
2	February (n)	tháng Hai	8	August (n)	tháng Tám
3	March (n)	tháng Ba	9	September (n)	tháng Chín
4	April (n)	tháng Tư	10	October (n)	tháng Mười
5	May (n)	tháng Năm	11	November (n)	tháng Mười Một
6	June (n)	tháng Sáu	12	December (n)	tháng Mười Hai

❖ Adjectives

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	funny (adj)	hài hước	3	embarrassing (adj)	gây xấu hổ, bối rối
2	proud (adj)	tự hào			

❖ Extra vocabulary

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	pyjamas (n)	quần áo ngủ	3	curly hair (n)	tóc xoăn
2	torch (n)	đèn pin			

*Note: n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi.

B. HOMEWORK

I. Circle the correct answers. (Khoanh tròn đáp án đúng.)

0. The first month of the year is January / August / December.
1. John always tells jokes. His stories are funny / proud / June.
2. Christmas Day is in September / December / November.
3. Maria won the first prize in the race. She was very embarrassing / proud / funny.
4. I dropped my lunch in front of the class. It was happy / proud / embarrassing.
5. The hot summer holiday is in February / August / March.

II. Fill in the blanks with given months of the year. (Điền vào chỗ trống với các tháng đã cho.)

<u>June</u>	May	November	March	February	September
-------------	-----	----------	-------	----------	-----------

0. In Vietnam, students have a summer holiday in June.
1. _____ is the second month of the year.
2. _____ is between August and October.
3. Vietnamese Teachers' Day is in _____.

4. The third month of the year is _____.
5. _____ is between April and June.

III. Read the paragraph and mark (✕) in the column True or False.

(Đọc đoạn văn và đánh dấu (✕) vào cột True hoặc False.)

In September, school starts. The teacher asked about the summer holiday in July and August. Anna told a funny story about her dog. The teacher was proud of her. Then Tom dropped his bag. It was embarrassing. At the end of the lesson, the teacher said there will be a school party in October.

No.	Statements	True	False
0	School starts in September.	✕	
1	The teacher asked about March and April.		
2	Anna told a funny story about her cat.		
3	The teacher was proud of Anna.		
4	Tom dropped his bag.		
5	The school party will be in November.		

IV. Complete the table with PAST SIMPLE sentences.

(Hoàn thành bảng với các câu ở thì QUÁ KHỨ ĐƠN.)

Affirmative Sentences	Negative Sentences	Yes/No Question Sentences
I was at school yesterday.	0. <u>I wasn't at school yesterday.</u>	Was I at school yesterday?
They were in the classroom.	They weren't in the classroom.	1. _____?
2. _____.	She wasn't happy this morning.	Was she happy this morning?
We were late for the bus.	3. _____.	Were we late for the bus?
He was at the zoo last Sunday.	He wasn't at the zoo last Sunday.	4. _____?
5. _____.	The weather wasn't cold yesterday.	Was the weather cold yesterday?

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Các con nghe bài ở link sau: https://soundcloud.com/ms-chi-english/flyers-3_test-2_part-1

Listening

Part 1

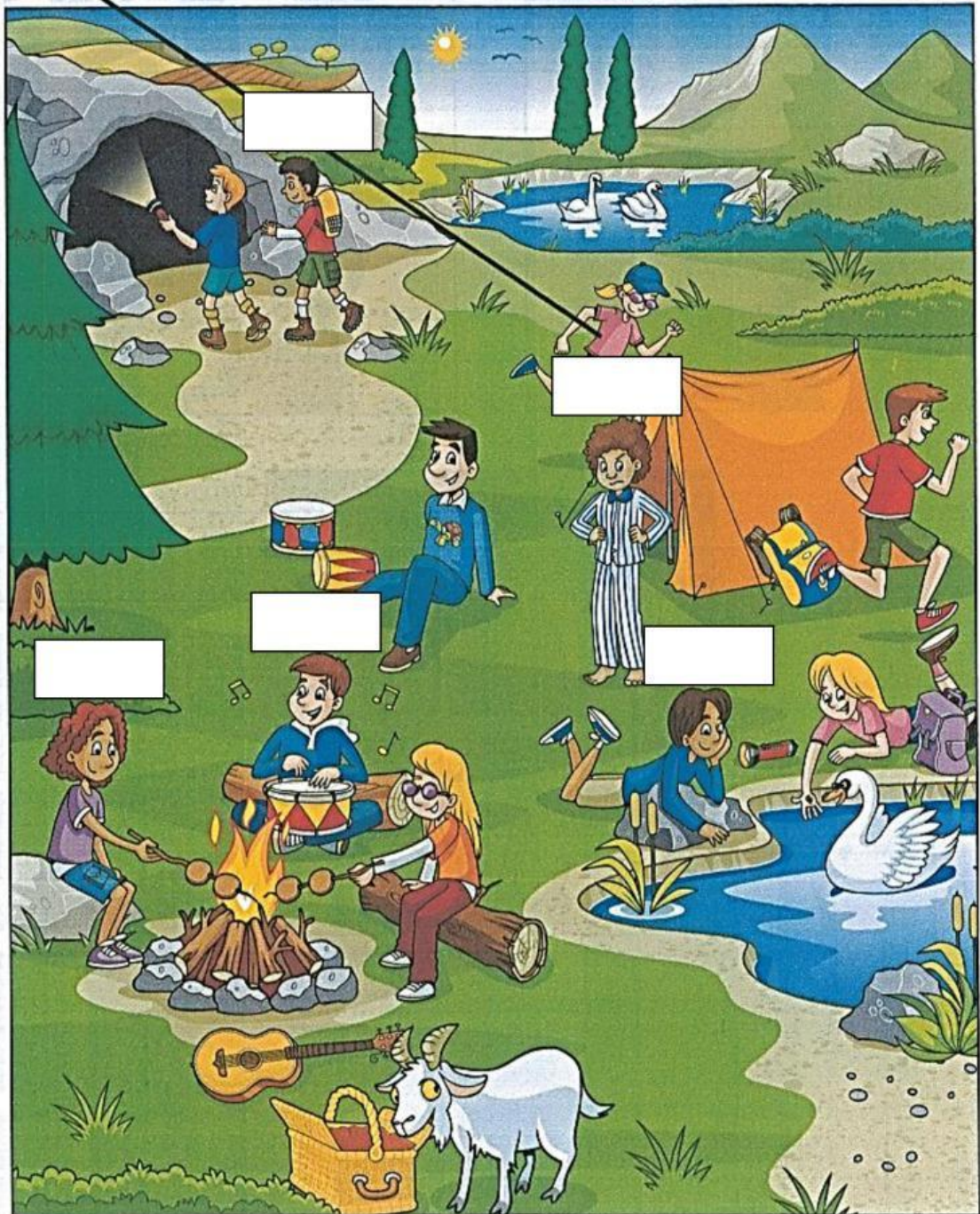
– 5 questions –

Listen and draw lines. There is one example.

Sophia

Katy

George



Betty

David

Helen